

Số: 151/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Công nghệ sinh học của Trường Đại học Mở Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học của Trường Đại học Mở Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Mở Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 92%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học của Trường Đại học Mở Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

HÀ
NỘI
KI
H
GI
/

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 151/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt	
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7					
Tiêu chí 1.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.1	4	4.00	5	100%	
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4				
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4				
Tiêu chuẩn 2		4.00	3	100%	Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4				
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8					
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	3.80	4	80%	
Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4				
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	3				
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4				
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 9		4.00	5	100%	
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4				
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4				
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4				
Tiêu chuẩn 5		3.80	4	80%	Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4				
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4.17	6	100%	
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4				
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	4							
Tiêu chuẩn 6		4.14	7	100%	Tiêu chí 10.4	5				
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4				
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4				
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11					
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5	4.40	5	100%	
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4				
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4				
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	5				
		Tiêu chí 11.5	4							
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt					
		46			92%					

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Handwritten signature

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 151/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học (CTĐT) của Trường Đại học Mở Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được rà soát, cập nhật, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường; được công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Bản mô tả CTĐT thể hiện nhất quán thông tin của CTĐT, có đủ thông tin theo quy định. Đề cương học phần được rà soát, cập nhật, thể hiện rõ định hướng ứng dụng, tính logic giữa nội dung kiến thức, phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần. Chương trình dạy học được rà soát, cập nhật tiếp cận theo chuẩn đầu ra của CTĐT, có căn cứ theo ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các học phần được bố trí hợp lý theo tiến trình dạy học thể hiện được sự phát triển trên cơ sở kế thừa chương trình dạy học ngành Công nghệ sinh học trình độ đại học. Triết lý giáo dục của Trường được được phổ biến đến các bên liên quan, phương pháp dạy - học khá đa dạng và phù hợp hướng đến đạt chuẩn đầu ra của học phần; hoạt động dạy học chú trọng phát triển kỹ nghiên cứu, rèn luyện cho người học khả năng học tập suốt đời. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng được quy định, phổ biến đến người học và được triển khai. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm; kết quả thực hiện giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật. Hệ thống giám sát tiến độ học tập và kết quả học tập khá đa dạng và thực hiện hiệu quả. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng được đầu tư, nâng cấp; phòng thực hành và các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, giám sát; tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm, gắn kết với CTĐT và đạt kết quả tốt. Nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây: ✓

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT thể hiện rõ định hướng đào tạo (nghiên cứu hay ứng dụng), hướng đến đào tạo người học tốt nghiệp có các kiến thức chuyên sâu, tổng hợp tiên tiến, liên ngành và đặc thù ngành Công nghệ sinh học; hướng dẫn cụ thể hơn trong việc thể hiện các chuẩn đầu ra của Trường trong các CTĐT để đảm bảo tính nhất quán; thể hiện rõ hơn các yêu cầu chuyên biệt và yêu cầu chung của người học tốt nghiệp ngành Công nghệ sinh học liên quan đến năng lực và kinh nghiệm làm dự án đa ngành liên quan đến công nghệ sinh học; bổ sung các thông tin về vị trí việc làm người học có thể đảm nhiệm sau khi hoàn thành CTĐT trong tuyên bố về chuẩn đầu ra của CTĐT; cải tiến nội dung, cách thức khảo sát các bên liên quan đảm bảo hiệu quả hơn và chú trọng tham khảo, đối sánh CTĐT của cơ sở giáo dục có uy tín để cải tiến, hoàn thiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Có hướng dẫn cụ thể trong việc thiết kế bản mô tả CTĐT đảm bảo thông tin đầy đủ về CTĐT đến các bên liên quan; nghiên cứu sơ đồ hóa một số nội dung trong bản mô tả CTĐT để tăng hiệu quả thông tin về CTĐT đến các bên liên quan; rà soát đề cương học phần đảm bảo việc xác định điều kiện tiên quyết, đánh mã tuân thủ các quy định; nghiên cứu thiết kế hợp lý nội hàm các chuẩn đầu ra của học phần phù hợp với nội dung của học phần nhằm hướng đến đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT; thể hiện rõ nội dung tự học và hướng dẫn tự học trong đề cương học phần cũng như cách thức kiểm soát/đánh giá kết quả tự học của người học.

3. Tổ chức rà soát các học phần trong chương trình dạy học và thể hiện sự liên quan, mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát đồng thời các chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện rõ hơn các yêu cầu chuyên biệt để làm cơ sở xác định sự liên quan, mức độ đóng góp phù hợp theo tiến trình thực hiện chương trình dạy học. Rà soát chương trình dạy học và bổ sung các học phần hướng đến vấn đề đạo đức trong nghiên cứu công nghệ sinh học, về quản lý dự án; quan tâm đối sánh CTĐT của cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước để cải tiến chất lượng.

4. Có hướng dẫn cụ thể và chuyển tải đầy đủ nội dung triết lý giáo dục trong việc thiết kế CTĐT, tổ chức các hoạt động dạy - học phù hợp để đạt được triết lý giáo dục mở; rà soát đề cương học phần thể hiện rõ nội dung hướng dẫn tự học, đồng thời tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của người học; mở rộng diện tích phòng thực hành, phòng thí nghiệm và đầu tư trang thiết bị để đáp ứng quy mô đào tạo/tăng cường hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức cho người học tham gia các hoạt động nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp; nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của người học để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu.

5. Rà soát, đánh giá mức độ phù hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần về kiến thức, kỹ năng, thái độ hướng đến đánh giá được chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường giám sát đánh giá kết quả học tập của

người học bám sát rubrics đã thiết kế; chi tiết hóa thang điểm đánh giá và thực hiện đa dạng hình thức phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá kịp thời để người học cải thiện kết quả học tập; đẩy nhanh chuyển đổi số và xem xét tích hợp thông tin kết quả kiểm tra đánh giá và quy trình phúc khảo trực tuyến để thuận tiện cho người học trong bối cảnh cơ sở đào tạo ở các địa điểm khác nhau.

6. Có chính sách tuyển dụng, đãi ngộ và đào tạo phù hợp để sớm có đội ngũ cán bộ đầu ngành và giảng viên trình độ cao đúng ngành đào tạo; có cơ chế khuyến khích giảng viên trẻ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế và giao lưu, hợp tác đối tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; quy định cụ thể quy đổi khối lượng công việc của giảng viên, đặc biệt ở các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên để cải tiến đánh giá và ghi nhận, đãi ngộ; có cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích, thúc đẩy cán bộ, giảng viên, nhất là giảng viên trẻ tích cực nghiên cứu, phát triển công nghệ và tăng công bố khoa học.

7. Rà soát quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp tầm nhìn, chiến lược phát triển các giai đoạn và lĩnh vực hoạt động; có chính sách ưu đãi để tuyển dụng đội ngũ nhân viên có năng lực theo vị trí công việc; nghiên cứu xây dựng hệ thống KPIs và đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ gắn với đãi ngộ; đánh giá, đào tạo theo tiếp cận năng lực của vị trí công việc và tăng cường ứng dụng công nghệ để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, hỗ trợ CTĐT.

8. Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực và phân tích, dự báo để điều chỉnh chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh; phân tích, đối sánh kết quả học tập của học viên tuyển từ các ngành gần để đánh giá mức độ phù hợp, độ tin cậy của các tiêu chí tuyển sinh, từ đó có biện pháp cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp; tiếp tục đa dạng hóa và đổi mới phương thức truyền thông về CTĐT; tăng cường phối hợp với các nhà sử dụng lao động và đẩy mạnh truyền thông nội bộ để tăng nguồn đầu vào từ người học tốt nghiệp đại học; rà soát quy trình, thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu về sự tiến bộ của học viên để có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ giảm tỉ lệ thôi học; đầu tư hơn nữa cho hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm thu hút nhiều học viên tham gia, tăng cường kỹ năng nghiên cứu và công bố khoa học cho học viên.

9. Nghiên cứu, có phương án sắp xếp để bố trí chỗ làm việc riêng biệt cho giảng viên đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học; tiếp tục đầu tư phát triển Thư viện để đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn thư viện của cơ sở giáo dục đại học; tăng cường nguồn học liệu bao gồm cả cơ sở dữ liệu điện tử và tài liệu bằng tiếng nước ngoài phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; đầu tư, nâng cấp phòng thực hành, thí nghiệm cho các học phần chuyên ngành của CTĐT; quan tâm hơn đến chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo, tiếp tục nâng cấp hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm; khuyến khích giảng viên và người học sử dụng LMS để tổ chức giảng dạy kết hợp; rà

soát, cập nhật các văn bản, quy trình về công tác vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong các khuôn viên.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, cách thức thiết kế chuẩn đầu ra, nội dung chương trình dạy học, các phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra; khẩn trương xây dựng bộ công cụ và kế hoạch thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và đánh giá chuẩn đầu ra các học phần theo quy định để cải tiến chất lượng CTĐT; nghiên cứu áp dụng các công cụ thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để phục vụ đánh giá, cải tiến quá trình dạy học và các phương pháp kiểm tra đánh giá; tiếp tục rà soát, đánh giá một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan và chuẩn hoá các công cụ khảo sát đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Khảo sát các nhà tuyển dụng thường xuyên và kết hợp thu thập dữ liệu phục vụ mục đích đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học tốt nghiệp để cải tiến; quan tâm khảo sát thông tin về việc làm và cơ hội phát triển của cựu người học; đưa chỉ số về kết quả đầu ra thành các chỉ số thực hiện chính KPIs để giám sát, cải tiến thường xuyên chất lượng CTĐT; áp dụng phương thức đào tạo cá thể hóa, dạy học (hoặc tự học) qua mạng để phù hợp với nhu cầu đào tạo trong kỷ nguyên mới.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ sinh học gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. 